

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (Đồng)
16	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
17	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	30.000
18	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
19	Than các loại	Tấn	10.000
20	Đá phiến lợp	m <sup>3</sup>	70.000

b) Mức thu phí đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này.

c) Trường hợp khai thác khoáng sản khác với các loại khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại quy định tại điểm a, khoản 3 điều này áp dụng mức thu phí tối đa đối với từng loại khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

#### 4. Quản lý, sử dụng phí.

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật bảo vệ môi trường và Luật ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 48/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII Quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu và bãi bỏ mục A Quy định kèm theo Nghị quyết số 120/2008/NQ-HĐND ngày